

Đơn vị: Trường THCS thị trấn Trầu Quỳ

Chương: 022

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ- THCSTTTQ ngày 04/01/2024 của trường THCS Thị trấn Trầu Quỳ)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Dvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, sự nghiệp	8,487,734,800
I	Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Thu sự nghiệp	8,487,734,800
	Học phí	4,233,600,000
	Mô hình	1,282,500,000
	Chăm sóc bán trú	600,750,000
	CSVC bán trú	44,500,000
	Học thêm	2,326,384,800
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	8,487,734,800
1	Chi sự nghiệp giáo dục	8,487,734,800
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8,487,734,800
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7,686,000,000
I	Nguồn ngân sách trong nước	7,686,000,000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7,686,000,000
3.1	Kinh phí nhà nước đặt hàng	7,686,000,000
	Chi thanh toán cá nhân	6,703,760,520
	Phúc lợi tập thể	45,000,000

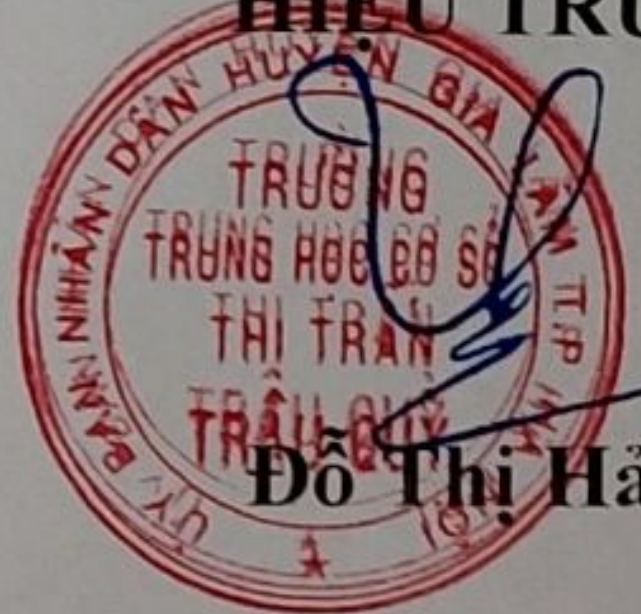


	Thanh toán dịch vụ công cộng	165,000,000
	Vật tư văn phòng	22,000,000
	Thông tin liên lạc	37,000,000
	Hội nghị	45,000,000
	Công tác phí	38,400,000
	Thuê mướn	18,000,000
	Sửa chữa TX TSCĐ	308,000,000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	251,000,000
	Mua sắm TSCĐ	20,000,000
	Chi khác	32,839,480
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi VPP	
	Chi Hội nghị	
1.3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	0
	Chi thanh toán cá nhân	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	

3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Ngày 04 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Hải Yến

LÂM T. P. H. Y.